

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG BÚK  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 01 - 2024

V/v yêu cầu ly hôn, giải  
quyết về con chung

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Y Mung Niê.

2. Ông Vũ Công Đạt.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Đức Anh - Thư ký Tòa án Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Đinh Quang Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 140/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2023, về việc *Yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Mỹ H, sinh năm 1995.

Địa chỉ HKTT: Tổ dân phố E, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi ở hiện nay: Buôn Tr, xã EH, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Đoàn Ngọc T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Tổ dân phố E, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn khởi kiện ngày 10/10/2023, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ H trình bày:**

**- Về quan hệ hôn nhân:** Tôi và anh Đoàn Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 09/12/2016. Sau một thời gian chung sống giữa chúng tôi nảy sinh mâu thuẫn,

bất đồng ý kiến dẫn đến cãi vã, chúng tôi không thể tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn giữa chúng tôi đã trầm trọng mặc dù đã cố gắng giải quyết nhưng không thể hoà hợp, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Đến nay, tôi thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống, không thể hoà giải để đoàn tụ. Trước đây vào năm 2022 tôi cũng đã làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh T nhưng sau đó tôi đã rút đơn để hai bên có thêm thời gian suy nghĩ, cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không được. Thực tế tôi và anh T đã sống ly thân, không còn chung sống từ tháng 5/2023 cho đến nay, tôi đã chuyển đến sống tại Buôn Tr, xã EH, huyện K, tỉnh Đắk Lắk sinh sống. Vì vậy, tôi kiên quyết yêu cầu Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn anh Đoàn Ngọc T.

- *Về con chung*: Tôi và anh Đoàn Ngọc T có 02 con chung là Đoàn Ngọc M, sinh ngày 21/11/2017 và Đoàn Ngọc L, sinh ngày 07/12/2019. Hiện nay con là Đoàn Ngọc L đang ở với tôi, còn con là Đoàn Ngọc M đang ở cùng với anh T. Sau khi ly hôn tôi yêu cầu Toà án giải quyết giao cho tôi được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là Đoàn Ngọc L và yêu cầu Toà án giải quyết giao cho anh Đoàn Ngọc T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Đoàn Ngọc M đến khi các con đủ 18 tuổi.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tôi không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Tôi và anh T tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

***Bị đơn anh Đoàn Ngọc T, quá trình giải quyết vụ án có nộp bản tự khai trình bày ý kiến***: Trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhỏ nên vợ tôi muốn ly hôn, nhưng hoàn cảnh các con còn nhỏ, không có người chăm sóc, đi học và sinh hoạt nên tôi đề nghị Toà án không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, để vợ chồng tôi tự giải quyết, để vợ tôi về chăm sóc các con.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các Giấy báo tham gia tố tụng, tham gia phiên họp nhưng anh T vẫn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không thể tiến hành hoà giải. Khi Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử Toà án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, các giấy báo tham gia phiên tòa nhưng anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có lý do.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi trước thời điểm xét xử vụ án đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật. Tại

phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn mặc dù đã được cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng đã vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có lý do, không thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, nên việc xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định theo Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị H.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh T.

Về con chung: Giao cho chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là Đoàn Ngọc L, sinh ngày 07/12/2019 và giao cho anh Đoàn Ngọc T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là Đoàn Ngọc M, sinh ngày 21/11/2017 đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Đề nghị xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn và giải quyết về con chung khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Anh Đoàn Ngọc T đã được cấp, tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, các giấy báo tham gia phiên tòa những vẫn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có lý do nên việc xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ H:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn: Chị H và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 09/12/2016 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Xét lời trình bày của chị H cho rằng quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm dẫn đến cãi vã, không thể tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn đã trầm trọng mặc dù đã cố gắng giải quyết nhưng không thể hoà hợp, cuộc

sống hôn nhân không hạnh phúc, không thể hàn gắn tình cảm, giải quyết các mâu thuẫn phát sinh trong quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống là có cơ sở. Quá trình giải quyết vụ án anh T cho rằng vợ chồng chỉ có mâu thuẫn nhỏ, không đồng ý ly hôn với chị H. Tuy nhiên, Toà án đã cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các thủ tục tố tụng cho anh T nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do nên không thể tiến hành hoà giải được. Mặt khác, vào năm 2022 chị H đã một lần làm đơn xin ly hôn nhưng sau đó đã rút đơn thể hiện tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 21/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Krông Búk, để hai bên có thêm thời gian suy nghĩ, hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không được là có thật. Hội đồng xét xử xét thấy, trong cuộc sống hôn nhân giữa chị H và anh T xảy ra mâu thuẫn là có thật và mâu thuẫn kéo dài, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, thực tế chị H và anh T đã không còn chung sống từ tháng 5/2023 cho đến nay nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh T là có căn cứ, cần chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh T là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh Đoàn Ngọc T có 02 con chung là Đoàn Ngọc M, sinh ngày 21/11/2017 và Đoàn Ngọc L, sinh ngày 07/12/2019. Từ khi không còn chung sống đến nay, cháu L ở với H, cháu M ở với anh T. Vì vậy, sau khi ly hôn để đảm bảo ổn định nơi sinh sống, học tập của các con, cần chấp nhận giao con là Đoàn Ngọc L cho chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao con là Đoàn Ngọc M cho anh Đoàn Ngọc T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét là phù hợp.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí là phù hợp.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Mỹ H được ly hôn với anh Đoàn Ngọc T.

2. Về con chung: Giao con chung là Đoàn Ngọc L sinh ngày 07/12/2019 cho chị Phạm Thị Mỹ H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi.

- Giao con chung là Đoàn Ngọc M sinh ngày 21/11/2017 cho anh Đoàn Ngọc T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi.

*Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con làm rụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con.*

- Về cấp dưỡng: Chị Phạm Thị Mỹ H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị Mỹ H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2022/0004154 ngày 11/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Krông Búk;
- UBND xã Phú Xuân, H. Krông Năng;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký, đóng dấu)

**Hoàng Văn Vân**